

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày 08 - 6 - 2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Ông Phạm Hồng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thu H - Sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn T - Sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H có mặt, anh T có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ ngày 01/01/2021 thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng trong quan điểm làm ăn, sinh hoạt và nuôi dạy con cái. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Bảo D, sinh ngày 28/10/2020. Hiện con chung đang ở cùng với anh T. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2021 và biên bản hòa giải ngày 25/5/2021, anh Trần Văn T trình bày:

Về tình cảm: Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung, vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Bảo D, sinh ngày 28/10/2020. Hiện con chung đang ở cùng với anh. Trong trường hợp chị H quyết tâm ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh sẽ tạo điều kiện cho chị H thăm nom con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án cho vợ chồng thêm một thời gian để vợ chồng suy nghĩ và đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải.

Tại phiên tòa:

Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, công nợ, vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71; 72 BLTTDS;

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị H, anh T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81,;82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đoàn Thị Thu H.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị Thu H. Giao chị Đoàn Thị Thu H trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Trần Bảo D, sinh ngày 28/10/2020. Việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản, khoản nợ chung: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Đoàn Thị Thu H và anh Trần Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 01/01/2021 phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện cho anh T biết và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và yêu cầu xuất trình chứng cứ đối với anh Trần Văn T nhưng anh T nhiều lần vắng mặt không có lý do. Tại bản tự khai ngày 17/5/2021, anh T đã trình bày: Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con nên anh không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Theo đề nghị của anh T, Tòa án đã tiến hành hoà giải giữa các đương sự. Tại biên bản hòa giải ngày 25/5/2021, anh T trình bày:

Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung nên anh không đồng ý ly hôn.

Anh đề nghị Tòa án cho vợ chồng thêm một thời gian để vợ chồng suy nghĩ và đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho vợ chồng anh.

Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được,

không thể đoàn tụ, việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nuôi con chung HĐXX thấy: Hiện tại con chung của vợ chồng chị H, anh T dưới 36 tháng tuổi, đang trong giai đoạn nuôi con bằng sữa mẹ. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng đối với con chung cần giao cho chị H trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Anh T có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung, khoản nợ chung: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Đoàn Thị Thu H và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Đoàn Thị Thu H có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Trần Bảo D, sinh ngày 28/10/2020. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đoàn Thị Thu H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện con chung là Trần Bảo D đang ở cùng với anh T. Anh T có trách nhiệm giao con chung là Trần Bảo D cho chị H nuôi dưỡng khi chị H có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Đoàn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002381 ngày 12/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Đoàn Thị Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà